

Số: 71/2025/QĐST-DS

Quảng Ninh, ngày 01 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15), điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 155, khoản 1 Điều 158, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 293, Điều 299, Điều 303, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100 và khoản 2 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2025, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 79/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần C chi: số A, phường C, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Minh B danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Hồng Q– chức danh: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 nhánh Q1

Người nhận ủy quyền lại: bà Lương Bích H danh: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 H1 Trưởng Phòng Tổng hợp; ông Vũ Đức T Phó Phòng Tổng hợp; địa chỉ: đường B, phường H, tỉnh Quảng Ninh

* *Bị đơn*: anh Nguyễn Minh T1 năm 1983 và chị Phạm Thị H1 năm 1988;

nơi thường trú: B, phường H, tỉnh Quảng Ninh

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền phải trả: anh Nguyễn Minh T2 chị Phạm Thị H2 nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C2(tạm tính đến hết ngày 21/11/2025) số tiền là: 298.890.762 (hai trăm chín mươi tám triệu, tám trăm chín mươi nghìn, bảy trăm sáu mươi hai) đồng; bao gồm: nợ gốc là 266.600.000 (hai trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm nghìn) đồng, lãi trong hạn là: 29.008.848 (hai mươi chín triệu, không trăm linh tám nghìn, tám trăm bốn mươi tám) đồng, lãi quá hạn là 3.281.914 (ba triệu, hai trăm tám mươi một nghìn, chín trăm mười bốn) đồng; theo Hợp đồng cho vay số 70/2023-HĐCV/NHCT30036 ngày 15/03/2023; Giấy nhận nợ số 01 ngày 17/3/2023 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C3 anh N

2.2 Về thời hạn trả nợ:

+ Đợt 1: chậm nhất ngày 15/12/2025, anh Nguyễn Minh T2 chị Phạm Thị H3 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C4 tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng;

+ Đợt 2: chậm nhất ngày 15/02/2026, anh Nguyễn Minh T2 chị Phạm Thị H3 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C4 tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng;

+ Đợt 3: chậm nhất ngày 15/3/2026, anh Nguyễn Minh T2 chị Phạm Thị H3 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C5 bộ số tiền còn lại là 258.890.762 (hai trăm năm mươi tám triệu, tám trăm chín mươi nghìn, bảy trăm sáu mươi hai) đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/11/2025.

Trường hợp anh Nguyễn Minh T2 chị Phạm Thị H4 phạm bất kỳ Đợt trả nợ nào nêu trên, thì bị coi là vi phạm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần C2.

2.3 Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập Biên bản hòa giải thành (ngày 21/11/2025) cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Minh T2 chị Phạm Thị H5 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án **theo mức lãi suất quá hạn** các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 70/2023-HĐCV/NHCT30036 ngày 15/03/2023; Giấy nhận nợ số 01 ngày 17/3/2023, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C2– Chi nhánh Q1 và anh Nguyễn Minh T3, chị Phạm Thị H6 phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.4 Trường hợp đến hạn mà anh Nguyễn Minh T2 chị Phạm Thị H7 trả hoặc trả không đầy đủ toàn bộ số tiền số tiền là 298.890.762 (hai trăm chín mươi tám triệu, tám trăm chín mươi nghìn, bảy trăm sáu mươi hai) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/11/2025 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C6 quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô 5 chỗ, nhãn hiệu FORD RANGER, màu xanh, sản xuất năm 2018 tại

Việt Nam, theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 14033080 do Công an tỉnh Q ngày 31/10/2022, mang tên anh Nguyễn Minh T3 để thu hồi nợ; theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 70/2023/HĐBĐ/NHCT30036 ngày 15/3/2025, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C2– chi nhánh Q1– Phòng Gvà anh N.

2.5 Trong trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần C6 anh Nguyễn Minh T2 chị Phạm Thị H3 có nghĩa vụ liên đới tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C2 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 70/2023-HĐCV/NHCT30036 ngày 15/03/2023; Giấy nhận nợ số 01 ngày 17/3/2023.

2.6 Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà anh Nguyễn Minh T2 chị Phạm Thị H3 tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C7 quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.7 Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ): anh Nguyễn Minh T2 chị Phạm Thị H8 nguyên chịu 6.000.000 (sáu triệu) đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Anh Nguyễn Minh T2 chị Phạm Thị H9 phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C4 tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.8 Về án phí dân sự sơ thẩm và xử lý tiền tạm ứng án phí:

Anh Nguyễn Minh T2 chị Phạm Thị H10 3.736.134 (ba triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn, một trăm ba mươi tư) đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần C8 3.736.134 (ba triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn, một trăm ba mươi tư) đồng, được trừ vào số tiền 7.198.000 (bảy triệu, một trăm chín mươi tám nghìn) đồng tạm ứng án phí Ngân hàng Thương mại cổ phần C9 nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001401 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần C2 số tiền 3.461.866 (ba triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn, tám trăm sáu mươi sáu) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Đương sự;
- Người đại diện theo UQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Ngọc An